

Số: /TB-KKT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Ban Quản lý Khu kinh tế thông báo và khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị:

1. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 55 TTHC

- Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam: 26 TTHC;
- Lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế: 04 TTHC;
- Lĩnh vực thương mại - thương mại quốc tế: 06 TTHC;
- Lĩnh vực lao động - việc làm: 02 TTHC;
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng: 08 TTHC;
- Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng: 03 TTHC;
- Lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn: 06 TTHC.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Các tài liệu hướng dẫn đăng ký tài khoản, các bước nộp hồ sơ trực tuyến, hướng dẫn tra cứu và thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính đã được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, khó khăn, kính đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ bộ phận hỗ trợ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Địa chỉ cơ sở 1: số 09 Quang Trung, phường Đông Hới, tỉnh Quảng Trị; số điện thoại: 02323 812 812. Địa chỉ cơ sở 2: số 45 Hùng Vương, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; số điện thoại: 02333 636 999) để được hướng dẫn.

3. Các phòng, đơn vị thuộc Ban

Tăng cường thông tin, tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp để các cá nhân, tổ chức biết và thực hiện TTHC.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị thông báo để quý cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Các doanh nghiệp trong KCN, KKT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Trang TTĐT Ban;
- Lưu: VT, VP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Hoàng Đăng Anh

Phụ lục
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO
ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Thông báo số /KKT-VP ngày / /2025 của BQL Khu kinh tế)

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
I	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ (55)	47	8	
	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ			
1	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf	x		1.009742.H50
2	Chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL Khu kinh tế quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	x		1.009748.H50
3	Chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 4 Điều 30 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	x		1.009755.H50
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	X		1.009756.H50
5	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	x		1.009757.H50
6	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của BQL Khu kinh tế	x		1.009759.H50
7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009760.H50
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009762.H50
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009763.H50
10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009764.H50

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009765.H50
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào DN đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009766.H50
13	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009767.H50
14	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	x		1.009768.H50
15	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp GCN đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	x		1.009769.H50
16	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009770.H50
17	Ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc BQL Khu kinh tế	x		1.009771.H50
18	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	x		1.009772.H50
19	Cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	x		1.009774.H50
20	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	x		1.009773.H50
21	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	x		1.009775.H50
22	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	x		1.009776.H50

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
23	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	x		1.009777.H50
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		2.002725.H50
25	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		2.002726.H50
26	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	x		2.002727.H50
	LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ			
27	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	x		2.002728.H50
28	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	x		2.002729.H50
29	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	x		2.002731.H50
30	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	x		2.002732.H50
	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI - THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ			
31	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tại chợ trong khu kinh tế cửa khẩu		x	1.006580.H50
32	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài có trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu		x	2.000063.H50
33	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài có trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu		x	2.000450.H50
34	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài có trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu		x	2.000347.H50
35	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài có trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu		x	2.000327.H50
36	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện cho thương nhân nước ngoài có trụ sở tại khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu		x	2.000314.H50
	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM			

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
37	Thủ tục Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu	x		1.005132.H50
38	Thủ tục đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu	x		2.001955.H50
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
39	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh - Đối với dự án nhóm A; - Đối với dự án nhóm B; - Đối với dự án nhóm C	x		1.013239.H50
40	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh - Đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I; - Đối với công trình cấp đặc biệt và cấp II và cấp III; - Đối với công trình còn lại	x		1.013234.H50
41	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo / Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)	x		1.013236.H50
42	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)	x		1.013238.H50
43	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/ Dự án)	x		1.013230.H50
44	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/ Theo giai đoạn cho công trình theo	x		1.013231.H50

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
	tuyển trong đô thị/ Dự án)			
45	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/ Theo tuyển trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/ Dự án)	x		1.013233.H50
46	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/ Theo tuyển trong đô thị/ Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/ Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/ Dự án)	x		1.013235.H50
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG			
47	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương - <i>Đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I;</i> - <i>Đối với các công trình còn lại</i>	x		1.009794.H50
48	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	x		1.009788.H50
49	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	x		1.009791.H50
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN			
50	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		x	1.014155.H50
51	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	x		1.014156.H50
52	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		x	1.014157.H50
53	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (<i>đối với quy hoạch,</i>	x		1.014158.H50

TT	Tên Dịch vụ công trực tuyến	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Mã TTHC
	<i>điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn)</i>			
54	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập (<i>đối với quy hoạch tổng mặt bằng</i>)	x		1.014158.H50
55	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	x		1.014159.H50